

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 5 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoài Nam;

Ông Đào Khel;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Ngọc Hân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Thế P**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 724/4 đường A, phường A4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngh**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A9 đường A4, khóm A5, phường A9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2017 của nguyên đơn là ông Trương Thế Ph và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng**

như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Trần Thị Ngh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống không hòa giải được nên ông và bà Ngh đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và Trần Thị Ngh là vợ chồng; Về con chung là anh Trương Thế B, sinh ngày 19/02/1993 và bà Trương Phụng Ng, sinh ngày 01/01/1994 hiện đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản chung ông, bà tự thỏa thuận; còn nợ chung thì ông Ph tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn bà Trần Thị Ngh:***

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của ông Trương Thế Ph tại Thông báo thụ lý vụ án số: 284/TB-TLVA, ngày 19/12/2017 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị Ngh, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà Ngh đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà Ngh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Ph và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà Ngh cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:***

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và ông Ph đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bà Ngh vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Ngh là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung và nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ngh không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trương Thế Ph lập ngày 06/12/2017 cùng tài

liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ph nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ph và thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 06/12/2017, nguyên đơn Ph yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà Trần Thị Ngh là vợ chồng và bị đơn Trần Thị Ngh có nơi cư trú tại số nhà A9 đường A4, khóm A5, phường A9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn là bà Trần Thị Ngh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ngh.

[2] **Về nội dung vụ án:** Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Thế Ph trình bày về quan hệ hôn nhân và con cái giữa các đương sự như sau: Nguyên đơn và bị đơn Trần Thị Ngh tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nguyên đơn và bị đơn có chung với nhau 02 (hai) người con là Trương Thế B, sinh ngày 19/02/1993 và Trương Phụng Ng, sinh ngày 01/01/1994. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn Ph phù hợp với đơn xin xác nhận đề ngày 11/01/2018 của nguyên đơn và giấy khai sinh của anh B và chị Ng mà nguyên đơn Ph đã cung cấp cho Tòa án và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” nên Hội đồng xét xử xác định các tình tiết này là sự thật.

[3] Trong quá trình sống chung, ông Trương Thế Ph và bà Trần Thị Ngh có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, ông Ph thừa nhận trong thời gian chung sống như vợ chồng cho đến nay ông và bà Ngh vẫn không đăng ký kết hôn và cũng tại đơn xin xác nhận đề ngày 11/01/2018 của ông Ph đã được Ủy ban nhân dân phường A9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xác nhận đến nay ông Ph và bà Ngh vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì: “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì

có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Nên việc ông Trương Thế Ph yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà Trần Thị Ngh là vợ chồng là có căn cứ.

[4] Do quan hệ giữa ông Trương Thế Ph và bà Trần Thị Ngh không được công nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề mức độ và nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống theo yêu cầu của ông Ph.

[5] Về con chung là anh Trương Thế B, sinh ngày 19/02/1993 và chị Trương Phụng Ng, sinh ngày 01/01/1994 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản chung thì ông Trương Thế Ph và bà Trần Thị Ngh tự thỏa thuận, còn nợ chung thì ông Ph tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thế Ph và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Ông Trương Thế Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thế Ph:

1.1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Thế Ph và bà Trần Thị Ngh.

1.2. Về con chung: Do anh Trương Thế B và chị Trương Phụng Ng đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Ông Trương Thế Ph và bà Trần Thị Ngh tự thỏa thuận nên không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Trương Thế Ph tự khai không có nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thế Ph phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008612 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trương Thế Ph đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường A9;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

